

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 12-7-2024
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản và bồi
thường thiệt hại ngoài Hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Quang Cử, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 444, Trần Nhân Tông, phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa nhưng đến phần tranh luận tại phiên tòa nguyên đơn bỏ về, vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Quang Dũng, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 444, Trần Nhân Tông, phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa nhưng đến phần tranh luận tại phiên tòa nguyên đơn bỏ về, vắng mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ đương nhiên của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kiều; địa chỉ: Số 444, Trần Nhân Tông, phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Đào Thị Quý, sinh năm 1964; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Thôn 6, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*:

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/9/2023, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Đặng Quang Cử và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đào Thị Quý chiếm hữu tiền cước xe của hai người chung xe 16H-5919 một thời gian dài từ năm 2006 khi mua xe cho đến năm 2016 khi bán xe, tổng số tiền chiếm hữu là 3.600.000.000 đồng. Bị đơn đã trả tổng cộng là 05 lần: Lần 1 vào năm 2006 đưa cho mẹ đẻ của nguyên đơn là: 2.000.000 đồng; Lần 2 trả cho mẹ đẻ của nguyên đơn là 3.000.000 đồng; Lần 3 cũng trả cho mẹ đẻ của nguyên đơn là: 5.000.000 đồng; Lần 4 trả cho vợ chồng em gái ruột nguyên đơn tại UBND phường là: 160.000.000 đồng. Lần 5: Mẹ đẻ của nguyên đơn cùng với nguyên đơn sang nhà của bị đơn tại xã Tân Dương, bị đơn đã trả 5.000.000 đồng và 03 lần bị đơn trả tại Công an quận Kiến An nhận hộ trong 03 tháng là 95.000.000 đồng, tổng hai lần này là 95.000.000 đồng + 5.000.000 đồng = 100.000.000 đồng.

Tổng cộng tất cả các lần trả là 295.000.000 đồng.

Trong 10 năm từ năm 2006 đến 2016, nguyên đơn chỉ lấy cước xe phần mình là 1.000.000 đồng/1 ngày, vậy trong 01 tháng là 30.000.000 đồng và 01 năm là 360.000.000 đồng. Như vậy, cước xe chung phần của nguyên đơn trong 10 năm là 3.600.000.000 đồng.

Do vậy, số tiền cước xe mà bị đơn chiếm dụng của nguyên đơn trong 10 năm là: 3.600.000.000 đồng - 295.000.000 đồng = 3.305.000.000 đồng.

Vì vậy nguyên đơn là ông Đặng Quang Cử **yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:**

- Buộc bị đơn phải thanh toán trả lại cho ông phần số tiền cước xe khi chung xe 16H-5919 làm dịch vụ vận tải chung giữa hai người **từ năm 2006 đến năm 2016** mà bị đơn chưa thanh toán cho ông, tổng là 3.305.000.000 đồng.

- Bị đơn gây tai nạn cho ông Đặng Quang Cử đến mức độ cực kỳ nặng phải điều trị mất 81 % sức khỏe lao động.

- Bị đơn có hành động làm cho ông Cử và ông Dũng không kiểm soát được thần kinh của mình, để bị đơn sai bảo, không cho lấy vợ trong 1 thời gian dài.

Người giám hộ đương nhiên cho nguyên đơn trình bày theo đơn đề ngày 29/01/2024: Bà Đặng Thị Kiều có những quan điểm cùng với quan điểm của ông Cử, ông Dũng đề nghị Tòa án mở phiên tòa để đòi lại tiền cước xe và công sức, bị đơn đã hãm hại con bà, thuê người gây tai nạn cực kỳ nghiêm trọng cho con trai bà, hãm hại con trai bà không cho lấy vợ mà phải lấy bị đơn.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ ngày 05/3/2024, ông Cử trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm trong đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án buộc bà Đào Thị Quý trả lại cho ông Đặng Quang Cử số tiền 3.305.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm linh năm triệu đồng) là số tiền hợp pháp của riêng ông Đặng Quang Cử. Ông Cử trình bày đây là tiền mà bà Đào Thị Quý chưa thanh toán tiền cước xe cho ông Cử từ năm 2006 đến năm 2016 và tiền bán xe BKS số 16H.5919 vào năm 2016. Tổng số tiền là 3.600.000.000 đồng - 295.000.000 = 3.305.000.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu, đề nghị gì khác.

Quan điểm, ý kiến của bà Đặng Thị Kiều là mẹ đẻ ông Đặng Quang Cử và ông Đặng Quang Dũng: Tôi hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của con trai tôi là Đặng Quang Cử, tôi đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật buộc bà Đào Thị Quý trả lại cho ông Đặng Quang Cử số tiền 3.305.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm linh năm triệu đồng) là tiền mà bà Đào Thị Quý chưa thanh toán tiền cước xe cho ông Cử từ năm 2006 đến năm 2016 và tiền bán xe ô tô BKS số 16H.5919 vào năm 2016.

Ý kiến của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Đặng Thị Kiều thống nhất trình bày: Bà Đào Thị Quý đã trả cho ông Đặng Quang Cử 295.000.000 đồng.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Đặng Thị Kiều không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác, không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Đặng Thị Kiều trình bày: chúng tôi làm việc trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn, tinh táo.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm số: 66/2021/TLST-DS ngày 22/7/2021 về việc: Tranh chấp kiện đòi tài sản giữa hai bên thể hiện quan điểm khởi kiện, yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Năm 2006 ông và bà Đào Thị Quý có chung nhau khoản tiền mua xe ô tô tải BKS 16H 5919 để làm ăn chung. Sau đó đến năm 2008 ông Cử bị tai nạn giao thông nên không có khả năng quản lý làm ăn chung cùng nhau nữa và có nhu cầu bán xe, bà Quý muốn giữ lại xe làm ăn nên hai bên đã thống nhất thỏa thuận định giá, giá trị chiếc xe hiện còn là 520.000.000 đồng, ông Cử bán một nửa suất xe của mình cho bà Đào Thị Quý với giá 260.000.000 đồng. Hai bên viết giấy cam kết tại phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng ngày 18/9/2009, bà Quý hện trả số tiền 260.000.0000 đồng làm 02 lần: Lần thứ nhất là 160.000.000 đồng vào ngày 30/9/2009, lần thứ hai hện trả vào ngày 30/01/2010 số tiền còn lại là 100.000.000 đồng. Nhưng

sau đó không trả qua nhiều lần đòi nợ bà Quý vẫn không trả ông Cử có đơn yêu cầu Công an quận Kiến An giải quyết, năm 2016 bà Quý cam kết tại Công an quận Kiến An và đã trả được cho ông Cử số tiền 95.000.000 đồng (làm 03 lần tại công an quận Kiến An) và trả thêm được số tiền 5.000.000 đồng tại nhà bà Quý. Như vậy tổng số tiền bà Quý đã trả được cho ông là 100.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền là 160.000.000 đồng từ đó đến nay ông và gia đình đã tìm gặp bà Quý đòi nhiều lần nhưng bà Quý không trả và cho đến thời điểm hiện nay bà Quý còn nợ ông số tiền là 160.000.000 đồng. Do vậy ông Cử khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị Quý phải trả cho ông số tiền là 160.000.000 đồng nói trên và yêu cầu tính lãi suất của số tiền nói trên kể từ năm 2016 cho đến nay.

Bị đơn bà Đào Thị Quý vào ngày 17/9/2021 bà Quý đến Tòa án trình bày quan điểm: Thừa nhận bà và ông Cử trước đây vì mối quan hệ tình cảm bạn bè nhiều năm từ năm 1998 – 1999 và còn có quan hệ tình cảm yêu đương nhau đã có ý định kết hôn, năm 2006 bà và ông Cử có chung nhau mua xe ô tô BKS 16H 5919 để làm ăn kinh doanh để chở hàng đi các tỉnh, nhưng đến năm 2008 ông Cử bị tai nạn giao thông, bà chăm sóc nuôi dưỡng ông Cử 03 tháng tại Bệnh viện Việt Tiệp – Hải Phòng, sau tai nạn ông Cử không còn khả năng lái xe và làm ăn được, em trai ông Cử là Đặng Quang Dũng (tức Thương) thường xuyên đến nhà tìm bà chửi bới, đánh đập bà và yêu cầu bà bán xe đi trả lại một phần tiền cho ông Cử. Đến ngày 18/9/2009 bà cùng ông Cử, mẹ ông Cử (bà Đặng Thị Kiều) cùng nhau đến Công an phường Nam Sơn, quận Kiến An để thỏa thuận giải quyết, tại Công an phường Nam Sơn, quận Kiến An hai bên đã lập Biên bản cam kết và Biên bản thỏa thuận với nội dung: Hai bên thống nhất thỏa thuận giá trị chiếc xe là 520.000.000 đồng, bà Quý nhận chiếc xe ô tô hiệu Huyndai BKS 16H- 5919 và trả ½ giá trị chiếc xe cho ông Cử là 260.000.000 đồng và hẹn thanh toán trả cho ông Cử làm 02 lần: Lần thứ nhất là 160.000.000 đồng vào ngày 30/9/2009, lần thứ hai hẹn trả vào ngày 30/01/2010 số tiền còn lại là 100.000.000 đồng cam kết thỏa thuận này giữa hai bên được Công an phường Nam Sơn chứng kiến và chứng thực. Sau khi viết cam kết bà Quý đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Cử thời điểm đó trả ở đâu bà Quý không nhớ rõ nhưng bà nhớ đã trả cho ông Cử và hai bên viết Giấy biên nhận tiền với nhau vào ngày 01/10/2009 số tiền trả cho ông Cử là 160.000.000 đồng có sự chứng kiến của em rể ông Cử là ông Phạm Văn Bình, em gái Đặng Thị Huyền và mẹ ông Cử bà Đặng Thị Kiều, ông Cử đã ký giấy nhận tiền. Số tiền còn lại là 100.000.000 đồng hàng tháng bà Quý trả cho ông Cử theo thỏa thuận. Sau đó bà Quý cũng đã thực hiện việc trả nợ theo đúng cam kết giữa hai bên, cụ thể là: Trong số tiền 100.000.000 đồng, này thì có 10.000.000 đồng khi ông Cử gây tai nạn ở Quảng Ninh bà bỏ tiền ra bồi thường cho người bị tai nạn, giữa bà và ông Cử có thỏa thuận mỗi người chịu 5.000.000 đồng. Cuối năm 2009 em trai ông Cử là Đặng Quang Dũng sẵn đón bà ngoài đường và bắt bà về nhà giữ và đánh bà, sự việc được Công an quận Kiến An giải quyết, tại Công an quận Kiến An bà Quý đã trả cho ông Cử số tiền tổng 95.000.000 đồng làm 03 lần: Lần thứ nhất 20.000.000 đồng, lần thứ 25.000.000 đồng, lần thứ 3 là 50.000.000 đồng cả 03 lần trả đều trả tại công an quận Kiến An, ông Cử và mẹ ông Cử là người nhận tiền. thời điểm đó ông Cử Đặng Quang Hùng chủ tịch phường Nam Sơn có chứng kiến việc bà trả tiền cho ông Cử. Từ năm 2010 cho đến nay bà và ông Cử không còn liên lạc gì với nhau và cũng

không liên quan đến nhau nữa. Nay ông Cử khởi kiện yêu cầu bà thanh toán trả số tiền 160.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ năm 2016 cho đến nay bà Quý không đồng ý vì bà xác định đã trả hết cho ông Cử toàn bộ khoản nợ chung vốn chiếc xe ô tô bà không còn liên quan gì nữa và bà Quý đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại vụ án này, nguyên đơn đã không yêu cầu thanh toán trả số tiền 160.000.000 đồng còn thanh toán thiếu và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ năm 2016 cho đến nay nữa là số tiền đã thống nhất thảo thuận của hai bên tại Công an phường Nam Sơn, quận Kiến An (Tại Công an phường Nam Sơn, quận Kiến An hai bên đã lập Biên bản cam kết và Biên bản thỏa thuận với nội dung: Hai bên thống nhất thỏa thuận giá trị chiếc xe là 520.000.000 đồng, bà Quý nhận chiếc xe ô tô hiệu Hyundai BKS 16H- 5919 và trả ½ giá trị chiếc xe cho ông Đặng Quang Cử là 260.000.000 đồng) mà thay đổi quan điểm khởi kiện như trên.

Trong suốt quá trình giải quyết đơn khởi kiện và giải quyết vụ án, bên nguyên đơn liên tục thay đổi quan điểm, yêu cầu của mình. Tại giai đoạn giải quyết đơn khởi kiện của ông Cử, theo Biên bản làm việc của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/10/2023, ông Đặng Quang Cử và ông Đặng Quang Dũng đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên giải quyết các yêu cầu của ông theo quy định của pháp luật dân sự và ông không yêu cầu giải quyết về hình sự, không yêu cầu cơ quan nào khác giải quyết vụ việc trên đề nghị Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án để đảm bảo quyền lợi cho ông Cử.

Đến ngày 13/6/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện bổ sung như sau: Bị đơn đã dùng kế lừa đảo cặp bồ với nguyên đơn và chiếm đoạt tiền cước xe trong vòng 03 năm liền, nguyên đơn sử dụng chiếc xe 16H-5919 từ năm 2006 đến tháng 10 năm 2008 thì bị tai nạn do mâu thuẫn bị đơn không cho nguyên đơn đi lấy vợ. Khi nguyên đơn bị tai nạn, bị đơn đòi lấy giấy tờ xe của chiếc xe trên và nói là tài sản chung khi nguyên đơn nằm viện bất tỉnh nhân sự và ép ông Dũng phải giao giấy tờ xe cho bị đơn, buộc ông Dũng bắt chị Quý ra phường Nam Sơn để chứng thực để làm căn cứ giải quyết sau này. Khi các cơ quan phường và công an phường Nam Sơn chứng thực nghĩa vụ của hai bên, chị Quý đã trốn đi và bán xe và mua xe công chạy để hợp thức hóa xe của chị Quý.

Vì vậy, người đại diện của nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản chiếc xe trên và tiền cước xe và tiền bồi thường sức khỏe cho nguyên đơn do chị đã dùng thuốc kích thích độc hại gây nên. Thiệt hại tài sản là 3.600.000.000 đồng và 900.000.000 đồng sức khỏe. Tổng là 4.500.000.000 đồng mà chị Quý đã gây nên cho ông Cử vốn từ người bình thường thành người tàn tật mất 81% sức khỏe.

Tại phiên tòa, đại diện tho ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Dũng giữ nguyên quan điểm, yêu cầu như trong đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13/6/2024 và yêu cầu bị đơn thanh toán tổng 4.500.000.000 đồng và không chấp nhận bị đơn đã trả 295.000.000 đồng để khấu trừ vào số tiền cước xe là 3.600.000.000 đồng trong 10 năm mà cho rằng đó là số tiền lãi như Ngân hàng tính lãi mà bị đơn chậm trả gây thiệt hại cho nguyên đơn nên không khấu trừ vào phần tiền cước đòi trong 10 năm từ năm 2006 khi mua xe đến năm 2016 khi bán xe ô tô 16H-5919 nhưng không trình

bày được cách tính tiền lãi chậm trả cụ thể như thế nào và giá trị đòi lại tài sản chiếc xe ô tô 16H-5919 cụ thể ra sao và căn cứ cho yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho nguyên đơn như thế nào, cách tính ra sao mà chỉ yêu cầu đòi bị đơn thanh toán tổng 4.500.000.000 đồng, trong đó có thiệt hại về tài sản là 3.600.000.000 đồng và 900.000.000 đồng bồi thường về sức khỏe cho ông Cử.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đặng Quang Cử trình bày có 03 yêu cầu cụ thể là:

Thứ nhất: Nguyên đơn là ông Đặng Quang Cử yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả lại cho ông phần số tiền cước xe khi chung xe 16H-5919 làm dịch vụ vận tải chung giữa hai người mà bị đơn chưa thanh toán cho ông, tổng là 3.305.000.000 đồng. Số tiền cước xe mà bị đơn chiếm dụng của nguyên đơn trong 10 năm là: 3.600.000.000 đồng - 295.000.000 đồng = 3.305.000.000 đồng.

Thứ hai: Bị đơn gây tai nạn cho ông Đặng Quang Cử vào năm 2008 đến mức độ cực kỳ nặng phải điều trị mất 81% sức khỏe lao động và phải bồi thường về sức khỏe là 900.000.000 đồng. Tuy nhiên cũng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ hay căn cứ nào để làm cơ sở chứng minh được cho yêu cầu này của mình đối với bị đơn cũng như cách tính mức giá trị yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho mình như trên.

Thứ ba: Bị đơn có hành động cho nguyên đơn uống thuốc lú, không cho ông lấy vợ trong 01 thời gian dài. Tuy nhiên cũng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ hay căn cứ nào để làm cơ sở chứng minh được cho yêu cầu này của mình đối với bị đơn và cũng không yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về mặt giá trị là tiền mà chỉ đề nghị **Hội đồng xét xử** xem xét giải quyết.

- *Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*

Bà Thủy trình bày quan điểm nhất trí với quan điểm yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa và đề nghị **Hội đồng xét xử** căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn sự thừa nhận của bị đơn và Biên bản thỏa thuận kèm theo Bản cam kết ngày 18/9/2009 tại Công an phường Nam Sơn, lời khai của người làm chứng ông Phạm Văn Ất, nguyên Phó trưởng Công an phường Nam Sơn có căn cứ xác định: Ông Cử và bà Quý cùng góp tiền mua chung 1 chiếc xe tải hiệu Hyundai tải trọng 13 tấn biển kiểm soát 16H-5919 để chở hàng. Khi ông Cử bị tai nạn không lái xe được, bà Quý đã mua lại phần quyền sở hữu của ông Cử đối với chiếc xe nói trên.

Đặc biệt, tại bản cam kết ngày 07/10/2008 tại UBND phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng do chính bà Đào Thị Quý viết có nội dung: “Hiện thời tôi mong muốn lấy tạm giấy tờ xe để đi làm lấy tiền chữa bệnh cho anh Cử còn sau này như thế nào tôi phải có trách nhiệm gọi cho mẹ anh Cử để giải quyết...”. Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự do Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên lập ngày 02/1/2024 (BL 162) bà Đào Thị Quý một lần nữa xác nhận: “Đối với biên bản cam kết ngày 07/10/2008 tại UBND phường Nam Sơn tôi hoàn toàn nhất trí”.

Như vậy, hoàn toàn có cơ sở để xác định giữ bị đơn và gia đình nguyên đơn đã tồn tại một thỏa thuận về việc trong khoảng thời gian ông Cử bị tai nạn không thể lái xe bà Quý được phép sử dụng xe tải hiệu Hyundai tải trọng 13 tấn biển kiểm soát 16H-5919 để chở hàng và có trách nhiệm trả cho gia đình ông Cử một phần tiền để lo thuốc thang chữa bệnh cho ông Cử. Đây là tình tiết đã được các bên thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở để xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền cước xe trong khoảng thời gian bị đơn sử dụng. Tuy nhiên, về yêu cầu tiền cước xe trên luận cứ của mình cũng như của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày không đưa ra được căn cứ cụ thể, cơ sở cách tính cũng như khối lượng giá trị cụ thể, khoảng thời gian bị đơn còn nợ cước mà bị đơn có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn nhưng lại đồng ý với cách tính đòi tiền cước xe của nguyên đơn trong 10 năm là 3.600.000.000 đồng như trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, còn các yêu cầu khác của nguyên đơn tại phiên tòa thì đề nghị HĐXX căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết cho nguyên đơn. Đồng thời, bà Thủy cũng đồng thuận với quan điểm của ông Dũng về yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng tất cả các khoản là 4.500.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Đặng Quang Cử là người khuyết tật đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Như vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, đề nghị **Hội đồng xét xử** xem xét miễn án phí dân sự cho ông Đặng Quang Cử.

Bị đơn bà Đào Thị Quý trong quá trình giải quyết vụ án có trình bày quan điểm:

Bị đơn có quan hệ quen biết với ông Đặng Quang Cử. Năm 2006, bị đơn và ông Đặng Quang Cử chung vốn mỗi người một nửa vốn mua 01 chiếc xe tải BKS số 16H.5919 của bà Đàm Thị Thúy để chở hàng hóa thuê theo tuyến Hải Phòng - Móng Cái với ông Đặng Quang Cử. Bị đơn và ông Cử cùng mua chiếc xe với giá hơn 300.000.000 đồng và cùng viết giấy mua xe. Trong quá trình làm ăn chung, ông Cử lái xe, tôi phụ xe và phụ trách giao dịch hàng hóa. Tiền cước xe bị đơn và ông Cử đều chia đôi cả lãi và lỗ từng chuyến và thanh toán hết tiền cước xe, bị đơn không còn nợ ông Cử tiền cước xe nữa. Năm 2008, ông Đặng Quang Cử bị tai nạn, chiếc xe tải BKS số 16H.5919 dừng hoạt động vì không có lái xe. Sau khi ông Cử khởi kiện nhưng không có khả năng lái xe nên ngày 18/9/2009 tại Trụ sở Công an phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, bị đơn đã thỏa thuận mua lại chiếc xe với giá trị của toàn bộ chiếc xe tải BKS số 16H.5919 là 520.000.000 đồng, bị đơn có trách nhiệm thanh toán trả tiền chênh lệch lại cho ông Cử số tiền 260.000.000 đồng và đã lập biên bản thỏa thuận. Ngày 01/10/2009, bị đơn đã trả cho ông Đặng Quang Cử số tiền 160.000.000 đồng chẵn tại nhà em gái ông Cử là Đặng Thị Huyền, có sự chứng kiến của mẹ đẻ ông Cử là bà Đặng Thị Kiều, em gái ông Cử là Đặng Thị Huyền và em rể ông Cử là Phạm Văn Bình. Còn 100.000.000 đồng đã trừ đi số tiền 5.000.000 đồng bồi thường do ông Cử gây tai nạn (mỗi người 5.000.000 đồng). Số 95.000.000 đồng bị đơn đã trả cho ông Cử ba lần tại Trụ sở Công an quận Kiến

An. Sau khi làm việc tại Cơ quan Công an, ông Đặng Quang Dũng đã đưa toàn bộ giấy tờ xe cho bị đơn sử dụng. Từ đó đến nay, giữa bị đơn và ông Cử không còn chung vốn làm ăn nữa, không còn bất kỳ khoản nợ nào nữa. Nay ông Đặng Quang Cử khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả tiền cước xe và tiền bán xe là 3.305.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý với quan điểm khởi kiện của ông Đặng Quang Cử.

Ông Cử tố cáo bị đơn thuê người gây tai nạn cho ông Cử vào năm 2008 với mức độ tổn thương 81% sức khỏe là hoàn toàn không đúng sự thật. Bị đơn không liên quan đến việc ông Cử bị tai nạn, bị đơn còn cho ông Cử 10.000.000 đồng và chăm sóc ông Cử đến lúc ra viện. Nếu ông Cử tố cáo bị đơn thì ông Cử phải cung cấp chứng cứ chứng minh.

Đối với yêu cầu bị đơn cho ông Cử và ông Dũng uống thuốc lú trong nhiều năm khi làm chung xe tải BKS số 16H.5919 là hoàn toàn không đúng. Bị đơn không liên quan gì với ông Dũng, bị đơn và ông Cử làm ăn chung. Bị đơn và ông Cử cùng chung lợi ích làm ăn, không có lý do gì bị đơn phải hãm hại ông Cử và ông Dũng. Việc ông Cử bị tai nạn giao thông là tai nạn không mong muốn làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của cả nguyên đơn và bị đơn. Khi ông Cử bị tai nạn, giấy tờ xe do ông Đặng Quang Dũng quản lý, bị đơn không giữ giấy tờ xe, còn xe hoàn toàn dừng hoạt động.

Đối với biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2009 và bản cam kết ngày 18/9/2009 tại Trụ sở Công an phường Nam Sơn bị đơn hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì, đến nay bị đơn đã thực hiện xong hết các thỏa thuận và cam kết.

Việc ông Cử và ông Dũng cho rằng bị đơn không cho hai anh em ông Cử lấy vợ là hoàn toàn không có căn cứ.

Bị đơn không có yêu cầu đề nghị Tòa án trưng cầu giám định sức khỏe, tâm thần đối với ông Đặng Quang Cử và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2024, bị đơn có lời khai bổ sung như sau:

Bị đơn đã nhận được Quyết định hoãn phiên tòa và mở vào ngày 12/7/2024 cùng các văn bản khác của Tòa án, hiện bị đơn đang xạ trị bệnh tại Bệnh viện 108 Hà Nội tình trạng sức khỏe rất yếu không đảm bảo, không thể tham dự phiên tòa vào ngày 12/7/2024 và tranh luận với nguyên đơn nên bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình trước đây và bác bỏ toàn bộ quan điểm, yêu cầu của phía nguyên đơn và hoàn toàn bác bỏ quan điểm bị đơn lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nguyên đơn, sự việc này đã được được giải quyết làm rõ tại công an phường Lam Sơn và quận Kiến An bằng việc thống nhất là bị đơn mua lại toàn bộ chiếc xe chung BKS 16H-5919, trả lại giá trị chênh lệch $\frac{1}{2}$ cho ông Cử là 260.000.000 đồng, chia làm 02 lần: Lần 1 trả 160.000.000 đồng tại nhà em gái ông Cử là Đặng Thị Hiền ; lần 02 là 95.000.000 đồng tại Công an quận Kiến An có đồng chí Sòn chứng kiến, phụ trách. Sự việc mua lại xe có lập Văn bản thỏa thuận giữa hai bên được lập tại công an phường Lam Sơn có sự chứng kiến của công an và gia đình ông Cử. Do vậy, bị đơn không có lừa đảo chiếm đoạt tài sản gì của ông Cử hay hãm hại ông Cử.

Việc ông Cử yêu cầu **bị đơn** trả lại giấy tờ **xe** ô tô chung là hoàn toàn không có căn cứ, bị đơn đã trả phần chênh lệch đầy đủ cho ông Cử theo đúng thỏa thuận tại Văn bản ở công an phường Lam Sơn và ông Dũng đã đại diện cho gia đình bàn giao giấy tờ xe cho **bị đơn** nên **bị đơn** là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe trên. Việc ông Cử cho rằng **bị đơn** là người gây nên tai nạn giao thông cho ông Cử vào năm 2008 dẫn đến ông Cử mất 81% sức khỏe và yêu cầu bị đơn bồi thường 900.000.000 đồng là hoàn toàn vô căn cứ vì bị đơn không có liên quan gì đến tai nạn của ông Cử.

Trước khi chuyển sang phần tranh luận và tại phần tranh luận tại phiên tòa, Nguyên đơn là ông Đặng Quang Cử vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày có 03 yêu cầu cụ thể là:

Thứ nhất: Nguyên đơn là ông Đặng Quang Cử yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả lại cho ông phần số tiền cước xe khi chung xe 16H-5919 làm dịch vụ vận tải chung giữa hai người mà bị đơn chưa thanh toán cho ông, tổng là 3.305.000.000 đồng. Số tiền cước xe mà bị đơn chiếm dụng của nguyên đơn trong 10 năm là: 3.600.000.000 đồng - 295.000.000 đồng = 3.305.000.000 đồng.

Thứ hai: Bị đơn gây tai nạn cho ông Đặng Quang Cử vào năm 2008 đến mức độ cực kỳ nặng phải điều trị mất 81% sức khỏe lao động và phải bồi thường về sức khỏe là 900.000.000 đồng. Tuy nhiên cũng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ hay căn cứ nào để làm cơ sở chứng minh được cho yêu cầu này của mình đối với bị đơn cũng như cách tính mức giá trị yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho mình như trên.

Thứ ba: Bị đơn có hành động không cho ông lấy vợ trong 01 thời gian dài. Tuy nhiên cũng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ hay căn cứ nào để làm cơ sở chứng minh được cho yêu cầu này của mình đối với bị đơn và cũng không yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về mặt giá trị là tiền mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Đồng thời nguyên đơn không thống nhất, nhất quán với ý kiến của ông Dũng là yêu cầu đòi bị đơn thanh toán tổng là 4.500.000.000 đồng như ông Dũng trình bày tại phiên tòa.

- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy trình bày quan điểm tranh luận:

Hoàn toàn có cơ sở để xác định giữa bị đơn và gia đình nguyên đơn đã tồn tại một thỏa thuận về việc trong khoảng thời gian ông Cử bị tai nạn không thể lái xe bà Quý được phép sử dụng xe tải hiệu Hyundai tải trọng 13 tấn biển kiểm soát 16H-5919 để chở hàng và có trách nhiệm trả cho gia đình ông Cử một phần tiền để lo thuốc thang chữa bệnh cho ông Cử. Đây là tình tiết đã được các bên thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở để xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền cước xe trong khoảng thời gian bị đơn sử dụng. Tuy nhiên, về yêu cầu tiền cước xe trên luận cứ của mình cũng như của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày không đưa ra được ra được căn cứ cụ thể, cơ sở cách tính cũng như khối lượng giá trị cụ thể, khoảng thời gian bị đơn còn nợ cước mà bị đơn có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn nhưng lại đồng ý với cách tính đòi tiền cước xe của

nguyên đơn trong 10 năm là 3.600.000.000 đồng như những trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, còn các yêu cầu khác của nguyên đơn tại phiên tòa thì đề nghị HĐXX căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết cho nguyên đơn. Đồng thời, bà Thủy cũng đồng thuận với quan điểm của ông Dũng về yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng tất cả các khoản là 4.500.000.000 đồng

Về án phí: Ông Đặng Quang Cử là người khuyết tật đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Như vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí dân sự cho ông Đặng Quang Cử.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 584, Điều 590 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Quang Cử.

2. Về án phí: Nguyên đơn là ông Đặng Quang Cử phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Cử là người khuyết tật nặng, thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ thuộc trường hợp được miễn và có đơn đề nghị nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Nguyên đơn ông Đặng Quang Cử khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải trả cho ông số tiền cước xe trong suốt 10 năm từ năm 2006 cho đến năm 2016 và ông Dũng khởi kiện bổ sung đòi lại tài sản chiếc xe và tiền bồi thường sức khỏe cho ông Cử do bị đơn gây tai nạn cho ông Đặng Quang Cử đến mức độ cực kỳ nặng phải điều trị mất 81% sức khỏe lao động là 900.000.000 đồng. Bà Đào Thị Quý, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn 4B, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, ông Đặng Quang Cử và ông Đặng Quang Dũng đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên giải quyết các yêu cầu của ông theo quy định của pháp luật dân sự và ông không yêu cầu giải quyết về hình sự, không yêu cầu cơ quan nào khác giải quyết vụ việc trên.

Do vậy, **Hội đồng xét xử** xác định đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng được quy định tại khoản 2, **khoản 6** Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ quy định tại Điều 35; khoản 1, Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

[2]. Về việc xác định người giám hộ đương nhiên:

Theo biên bản làm việc ngày 21/12/2023, ông Cử và ông Dũng, bà Quý trình bày quan điểm không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với tình hình sức khỏe của ông Cử. Ông Cử khẳng định có đủ sức khỏe và hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn để tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án đã giải thích về việc trưng cầu giám định đối với ông Cử, Ông Cử và ông Dũng đề nghị Tòa án chỉ định người đại diện đương nhiên cho ông Cử. Căn cứ Điều 53 Bộ luật Dân sự, Bà Đặng Thị Kiều (Mẹ đẻ) là người giám hộ đương nhiên cho ông Đặng Quang Cử.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Đặng Quang Cử khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đào Thị Quý phải trả cho ông số tiền cước xe ô tô BKS 16H – 5919 còn nợ là 3.305.000.000 đồng trong suốt 10 năm từ năm 2006 cho đến năm 2016 và tiền bồi thường sức khỏe cho ông Cử do bị đơn gây tai nạn cho ông Đặng Quang Cử đến mức độ cực kỳ nặng phải điều trị mất 81 % sức khỏe lao động là 900.000.000 đồng và đề nghị xem xét bị đơn có hành động không cho ông lấy vợ trong 01 thời gian dài. Ông Dũng yêu cầu khởi kiện bổ sung vào ngày 13/6/2024 và tại phiên tòa là đòi lại tài sản chiếc xe, đòi tiền cước xe trong suốt 10 năm là 3.600.000.000 đồng và tiền bồi thường sức khỏe cho ông Cử do bị đơn gây tai nạn cho ông Đặng Quang Cử đến mức độ cực kỳ nặng phải điều trị mất 81% sức khỏe lao động là 900.000.000 đồng, tổng là 4.500.000.000 đồng. Ông Dũng cho rằng số tiền 295.000.000 đồng là tiền bị đơn trả lãi cho nghĩa vụ trả chậm số tiền cước xe và giá trị xe của ông Cử (giá trị tiền của chiếc xe ô tô BKS 16H – 5919 tại thời điểm bị đơn bán xe). Bà Nguyễn Thị Thu Thủy thống nhất với quan điểm của ông Dũng và đề nghị **Hội đồng xét xử** căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Về việc xác định chủ sở hữu chiếc xe ô tô mang hiệu Hyundai BKS 16H- 5919 trước khi xảy ra tranh chấp; Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/9/2023 và Đơn đề

ng nghị đề ngày 14/02/2011 cùng các văn bản, tài liệu khác nguyên đơn cung cấp thì chính nguyên đơn đã xác định và trình bày chiếc xe ô tô trên là tài sản chung giữa ông Đặng Quang Cũ và bà Đào Thị Quý. Văn bản Bản cam kết và Biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2009 có chứng thực của Công an phường Nam Sơn và các Văn bản khác tại cơ quan chính quyền địa phương đều thể hiện hai bên thừa nhận là tài sản chung do hai bên góp vốn vào mua để làm ăn chung. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến tận thời điểm Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ vào ngày 05/3/2024, quan điểm khởi kiện của phía nguyên đơn vẫn là khởi kiện đòi bị đơn thanh toán tiền cước xe chung mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn chứ không có yêu cầu đòi lại chiếc xe ô tô BKS 16H- 5919.

Cho nên, **Hội đồng xét xử** nhận định chiếc xe ô tô mang hiệu Hyundai BKS 16H- 5919 trước thời điểm ngày 18/9/2009 là tài sản chung theo phần của ông Cũ và bà Quý, mỗi bên sở hữu một nửa giá trị xe ô tô.

Xuất phát từ mối quan hệ bạn bè thân thiết nhiều năm giữa ông Cũ và bà Quý hai bên có quan hệ yêu đương, quen biết, làm ăn chung với nhau, năm 2006 ông Cũ và bà Quý có góp tiền chung vốn làm ăn với nhau để mua xe ô tô hiệu Hyundai BKS 16H- 5919, quá trình làm ăn đến năm 2008 do ông Cũ bị tai nạn giao thông nặng không còn khả năng lái xe được nữa hai bên xảy ra tranh chấp xung đột sự việc đã được gia đình ông Cũ và bà Quý nhờ Công an phường Nam Sơn, quận Kiến An giải quyết. Tại Công an phường Nam Sơn, quận Kiến An ông Cũ và bà Quý đã thống nhất thỏa thuận tự định giá chiếc xe ô tô BKS 16H -5919 nói trên và thỏa thuận giá trị chiếc xe là 520.000.000 đồng, mỗi người một nửa bà Quý nhận xe và phải thanh toán trả cho ông Cũ số tiền là 260.000.000 đồng, Bản cam kết và Biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2009 có chứng thực của Công an phường Nam Sơn. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ lời khai của ông Cũ và bà Quý đều thống nhất: Bà Quý đã trả cho ông Cũ được số tiền 95.000.000 đồng làm 03 lần tại Công an quận Kiến An, có chứng kiến của công an quận Kiến An. Số tiền này hai bên không có tranh chấp gì. Còn số tiền 5.000.000 đồng trong tổng 100.00.000 đồng mà hai bên có thỏa thuận thống nhất bị đơn phải thanh toán trên, bị đơn đã trình bày: khi ông Cũ bị tai nạn ở Quảng Ninh bà bỏ tiền ra là 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho người bị tai nạn, giữa bà và ông Cũ có thỏa thuận mỗi người chia 5.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Quý xuất trình Giấy biên nhận tiền đề ngày 01/10/2009 bản gốc xác định bà Quý đã trả cho ông Cũ số tiền 160.000.000 đồng, có chữ viết của ông Cũ xác nhận đã nhận số tiền nhưng lại có nội dung ông Cũ ghi mong Công an phường Nam Sơn xác nhận cho ông.

Tài liệu này cùng với các tài liệu khác có trong hồ sơ do phía nguyên đơn cung cấp như các Bản cam kết và Biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2009 có chứng thực của Công an phường Nam Sơn..v.v..cùng các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã xác minh, thu thập, sao lại từ Hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm số: 66/2021/TLST-DS ngày 22/7/2021 về việc: Tranh chấp kiện đòi tài sản giữa hai bên, các bên đều không có ý kiến, quan điểm gì, đều trình bày thống nhất với nhau nên nó là sự kiện có thật, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Cho nên, **Hội đồng xét xử** nhận định, bị đơn đã thanh toán đủ cho nguyên đơn số tiền

160.000.000 đồng vào ngày 01/10/2009 theo đúng cam kết thỏa thuận tại Bản cam kết và Biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2009 có chứng thực của Công an phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/3/2024, quan điểm của ông Cử trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm trong đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án buộc bà Đào Thị Quý trả lại cho ông Đặng Quang Cử số tiền 3.305.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm linh năm triệu đồng) là số tiền hợp pháp của riêng ông Đặng Quang Cử. Ông Cử trình bày đây là tiền mà bà Đào Thị Quý chưa thanh toán tiền cước xe cho ông Cử từ năm 2006 đến năm 2016 và tiền bán xe BKS số 16H.5919 vào năm 2016. Tổng số tiền là 3.600.000.000 đồng - 295.000.000 đồng = 3.305.000.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu, đề nghị gì khác.

Quan điểm, ý kiến của bà Đặng Thị Kiều là mẹ đẻ ông Đặng Quang Cử và ông Đặng Quang Dũng: Tôi hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của con trai tôi là Đặng Quang Cử, tôi đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật buộc bà Đào Thị Quý trả lại cho ông Đặng Quang Cử số tiền 3.305.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm linh năm triệu đồng) là tiền mà bà Đào Thị Quý chưa thanh toán tiền cước xe cho ông Cử từ năm 2006 đến năm 2016 và tiền bán xe BKS số 16H.5919 vào năm 2016.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Đặng Thị Kiều không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác, không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác.

Quan điểm, ý kiến của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Đặng Thị Kiều thống nhất trình bày: Bà Đào Thị Quý đã trả cho ông Đặng Quang Cử 295.000.000 đồng.

Các bên đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 61/TB-TA ngày 16/02/2024 và được quyền tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án vào ngày 05/3/2024 đồng thời được tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 131/TB-TA ngày 15/4/2024, cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án vẫn không ai có ý kiến, phản hồi hay bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì khác làm thay đổi nội dung, bản chất các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án trừ tài liệu Đơn khởi kiện bổ sung của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Đặng Quang Dũng đề ngày 13/6/2024 đã có yêu cầu khởi kiện bổ sung đòi lại tài sản là chiếc xe ô tô mang BKS số 16H.5919 và tiền cước xe là đủ 3.600.000.000 đồng cùng 900.000.000 đồng là tiền bồi thường sức khỏe cho nguyên đơn.

Từ những tình tiết trên, HĐXX nhận định có cơ sở xác định sự kiện sau khi các bên thống nhất việc nhượng lại tài sản là chiếc xe ô tô mua chung BKS số 16H.5919 vào ngày 18/9/2009 cho bị đơn theo Bản cam kết và Biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2009 có chứng thực của Công an phường Nam Sơn thì bị đơn đã thanh toán đầy

đủ 260.000.000 đồng cho phía nguyên đơn. Do vậy, đây là giao dịch dân sự tự nguyện, hợp pháp được lập thành văn bản có sự xác nhận, chứng kiến của cơ quan địa phương nơi nguyên đơn sinh sống, các bên đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong giao dịch dân sự mua bán, nhượng quyền sở hữu tài sản chung là chiếc xe ô tô mang BKS số 16H.5919 sang cho bị đơn là bà Đào Thị Quý nên bà bị đơn là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe ô tô này. Việc nguyên đơn cũng đã thừa nhận bị đơn đã thanh toán cho mình sau khi ông Cử tai nạn và thỏa thuận vào ngày 18/9/2009 nhiều đợt tổng là 295.000.000 đồng, do vậy **Hội đồng xét xử** nhận định bị đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên theo Bản cam kết và Biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2009 có chứng thực của Công an phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, đã thanh toán đủ số tiền 260.000.000 đồng cho nguyên đơn nên bị đơn là bà Đào Thị Quý là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe ô tô này kể từ thời điểm hai bên phát sinh giao dịch mua bán chuyển nhượng chiếc xe trên cho bà Quý.

Ngày 15/12/2023, Tòa án đã ra Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ số 355/TB-TA đề ngày 15/12/2023 với nội dung thông báo cho **ông** Đặng Quang Cử biết để giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau:

Các tài liệu, chứng cứ xác nhận nợ, xác nhận chiếm giữ tài sản trái pháp luật của người bị kiện (là tài liệu chứng minh cho nghĩa vụ trả nợ tiền, tài sản tức tiền cước xe trong vòng 10 năm từ năm 2006 đến năm 2016 với mức mỗi ngày là 1.000.000 đồng của bên bị kiện đối với người khởi kiện) và cách tính tiền cước xe khi làm ăn chung cụ thể như thế nào, từ thời điểm nào đến thời điểm nào chi tiết từng ngày bắt đầu cho đến khi ngày bán xe, sự thỏa thuận tiền cước xe, thanh toán tiền cước xe giữa các bên có Văn bản thỏa thuận thống nhất giữa hai bên hay không, có Văn bản xác nhận nợ, Văn bản xác nhận thanh toán tiền cước xe giữa các bên hay không?(cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh người bị kiện cụ thể đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ, tài sản, thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả tiền, tài sản cụ thể tại thời điểm nào? Bảng kê tính tiền trả tiền nợ cước xe (và tiền nợ lãi nếu có) cụ thể của từng khoản tiền nợ đối với bà Quý mà người khởi kiện cung cấp tính đến thời điểm hiện nay? Căn cứ nào ông yêu cầu bà bị đơn thanh toán tiền cước xe với mức 1.000.000 đồng/ngày cho ông?...). Bản sao: Văn bản cam kết lập tại UBND phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng vào ngày 07/10/2008 có sự chứng kiến của Phó chủ tịch Nguyễn Đình Đến như ông trình bày; Văn bản thỏa thuận thống nhất giá trị chiếc xe ô tô trên lập tại nhà ông là 520.000.000 đồng và thỏa thuận phân chia tài sản giữa hai bên (Nếu có); Các Tài liệu, văn bản, chứng cứ về việc giải quyết của Công an quận Kiến An, thành phố Hải Phòng liên quan đến nội dung, sự việc nêu trên (Nếu có);..v.v. Cung cấp các tài liệu và chứng cứ chứng minh quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khác của nguyên đơn là: “ Hãm hại ông Đặng Quang Cử và ông Đặng Quang Dũng khi đi làm xe chung bị đơn cho thuộc vào bình tông trong thời gian dài... ; Thuê người gây tai nạn cho bị đơn ở mức độ rất nặng, trầm trọng”...và quan điểm cụ thể của ông về các yêu cầu này như thế nào?. Nhưng cho đến thời điểm mở phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn không có ý kiến, quan điểm gì đối với nội dung trên và **không** cung

cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho những quan điểm yêu cầu khởi kiện của mình.

[4]. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán tiền cước xe từ năm 2006 đến năm 2016 và tiền bán xe BKS số 16H.5919 vào năm 2016. Tổng số tiền là $3.600.000.000 \text{ đồng} - 295.000.000 = 3.305.000.000 \text{ đồng}$ là không có cơ sở, căn cứ nên **Hội đồng xét xử** nhận định không chấp nhận yêu cầu này.

Đối với yêu cầu của ông Dũng bổ sung tại phiên tòa là đòi bị đơn thanh toán tiền cước xe, trả lại giá trị chiếc xe BKS số 16H.5919 tại thời điểm bán xe năm 2016 tổng là $3.600.000.000 \text{ đồng}$. Do phía nguyên đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh được bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền cước xe trong 10 năm kể từ năm 2006 cho đến 2016 và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán giá trị toàn bộ chiếc xe vào năm 2016 cũng như chứng minh bị đơn phải thanh toán tiền cước xe với mức $1.000.000 \text{ đồng/1 ngày}$, chứng minh được chiếc xe BKS số 16H.5919 là tài sản riêng của nguyên đơn nên **Hội đồng xét xử** nhận định không chấp nhận yêu cầu này.

[5]. Đối với quan điểm trình bày của bà Thủy yêu cầu bị đơn thanh toán tiền cước xe từ thời điểm ngày 07/10/2008 nhưng không đưa ra được tính đến thời điểm nào, khối lượng giá trị là bao nhiêu, căn cứ cụ thể, cơ sở cách tính, khoảng thời gian nợ cước của bị đơn có trách nhiệm thanh toán nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận quan điểm, yêu cầu này của bà Thủy.

Tại phiên họp công khai chứng cứ, nguyên đơn không trình bày yêu cầu bồi thường thiệt hại sức khỏe cụ thể như thế nào chỉ có ý kiến giữ nguyên quan điểm trong đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp cho Tòa án và đến ngày 13/6/2024 người đại diện cho nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bổ sung đòi lại tài sản chiếc xe và tiền cước xe là $3.600.000.000 \text{ đồng}$ và nguyên đơn, ông Dũng cùng yêu cầu tiền bồi thường sức khỏe là $900.000.000 \text{ đồng}$.

[6]. Đối với yêu cầu vượt quá yêu cầu đòi nợ theo số tiền $3.305.000.000 \text{ đồng}$ theo quan điểm của nguyên đơn tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 05/3/2024, tuy nhiên tại phiên họp công khai chứng cứ nguyên đơn vẫn chưa rút yêu cầu bồi thường sức khỏe cho nguyên đơn nên **Hội đồng xét xử** vẫn xem xét yêu cầu này. Cho đến thời điểm mở phiên tòa, nguyên đơn vẫn chưa có tài liệu, chứng cứ nào xác định được bị đơn gây ra thiệt hại về sức khỏe cho nguyên đơn dẫn đến nguyên đơn thiệt hại 81% sức khỏe. Cho nên, đối với yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn là $900.000.000 \text{ đồng}$, **Hội đồng xét xử** nhận định không chấp nhận.

[7]. Đối với yêu cầu bị đơn trả lại xe ô tô BKS số 16H.5919 theo giá trị tài sản của ông Dũng, **Hội đồng xét xử** nhận định không tài liệu, chứng cứ nào làm cơ sở, có căn cứ chứng minh cho yêu cầu nguyên đơn, hơn nữa **Hội đồng xét xử** nhận định đây là yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn và tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 05/3/2024 cho nên **Hội đồng xét xử** nhận định là không xem xét giải quyết yêu cầu bị đơn trả lại xe ô tô BKS số 16H.5919 theo giá trị tài sản của ông Dũng. Cho nên yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là đến ngày 13/6/2024 phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bổ sung đòi lại tài sản là chiếc xe và tiền cước xe tổng là $3.600.000.000 \text{ đồng}$, **Hội đồng xét xử** không xem xét yêu cầu

trả lại xe ô tô BKS số 16H.5919 theo giá trị xe tại thời điểm 2016 và không chấp nhận yêu cầu tiền cược xe, giá trị xe tổng là 3.600.000.000 đồng.

[8]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Quý có hành động cho nguyên đơn uống thuốc lú, không cho ông Cử lấy vợ trong 01 thời gian dài và đề nghị HĐXX xem xét giải quyết, mặc dù không yêu cầu bị đơn phải bồi thường giá trị bằng tiền nhưng HĐXX nhận định không có căn cứ, tài liệu, chứng cứ cũng như cơ sở nào xác định bà Quý có hành động không cho ông Cử lấy vợ trong 01 khoảng thời gian dài nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu thứ ba có trong đơn khởi kiện là bị đơn có hành động làm cho ông Cử, ông Dũng không kiểm soát được thần kinh của mình, để bị đơn sai bảo, không cho lấy vợ trong 01 thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, đến thời điểm Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ vào ngày 05/3/2024, ông Dũng và nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi bồi thường sức khỏe cho ông Cử do bị đơn gây nên cho đến tại phiên tòa, ông Dũng vẫn trình bày quan điểm cho rằng bị đơn có hành động hãm hại nguyên đơn, cho nguyên đơn uống thuốc kích thích độc hại, thuốc lú dẫn đến nguyên đơn không kiểm soát được hành vi dẫn đến nguyên đơn bị tai nạn, không lấy được vợ chứ không yêu cầu HĐXX xem xét bị đơn có hành động làm cho ông Dũng không kiểm soát được thần kinh của mình, để bị đơn sai bảo, không cho lấy vợ trong 01 thời gian dài nên HĐXX không xem xét, giải quyết yêu cầu này đối với ông Dũng.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, không có căn cứ xem xét **giải quyết**.

[9] Về án phí

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên bị đơn là bà Đào Thị Quý không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Đặng Quang Cử là con của Liệt sỹ Đặng Quang Cự, là đối tượng khuyết tật nặng thuộc đối tượng được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, 97, 147, Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 166, 584, 590 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Quang Cử buộc bị đơn bà Đào Thị Quý phải:

- Trả tiền cược xe và tiền bán xe từ năm 2006 đến năm 2016: 3.600.000.000 đồng - 295.000.000 đồng = 3.305.000.000 đồng .

- Bồi thường thiệt hại sức khỏe mất 81% sức khỏe của nguyên đơn với số tiền: 900.000.000 đồng.

- Bị đơn có hành động cho nguyên đơn uống thuốc lú, không cho nguyên đơn lấy vợ trong 01 thời gian dài.

3. Về án phí

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên bị đơn là bà Đào Thị Quý không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Đặng Quang Cử là con của Liệt sỹ Đặng Quang Cử và là đối tượng khuyết tật nặng nên nguyên đơn thuộc đối tượng được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo bản án

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân

Mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm

Tại:(2).....

Với Hội đồng xét xử(3)gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

..... (4)

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số...../...../.....-.....(5)

ngày.....tháng.....năm.....về (6)..... giữa:

Nguyên đơn

Bị đơn

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

..... (7)

)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật(8).

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU(9)**

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).
- (3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.
- (4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.
- (5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.
- (8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lễ công bằng (nếu có).
- (9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:(2)...../...../.....

Ngày:(3)-.....-.....

V/v tranh chấp(4).....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN (5).....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....(7)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8)..... *tham gia phiên tòa:*

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....(9) tại

xét xử sơ thẩm công khai(10) vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....(12)

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....

tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:(13).....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:(14)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:(15).....

2. Bị đơn: (16)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:(17)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:(18)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):(19).....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(20)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(21).....

4. Người làm chứng(22).....

5. Người giám định:(23).....

6. Người phiên dịch:(24).....

NỘI DUNG VỤ ÁN: (25)

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:(26)

[1]

[2]

[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....(27)

(28):

..... (2

9)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì

ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)